TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÃNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13/11/2019
V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn

.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Bàn Văn Tiển;

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Lương Thị Phượng;

2. Bà Nguyễn Thị Hợp.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nông Văn Đông – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng tham gia phiên tòa: Ông Vi Thế Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mông Thị Bích Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Âu Văn Q, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn T, xã, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DỤNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 07/5/2019; bản khai tại Tòa án có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mông Thị Bích Đ:

Chị Mông Thị Bích Đ và anh Âu Văn Q được tìm hiểu nhau, rồi tổ chức đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 24/7/2007. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ở cùng gia đình nhà chồng tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống hai vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau

02 con chung. Đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình là do vợ chồng thường xuyên cãi và chửi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng , mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đ và anh Q sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay chị Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy xin được ly hôn với anh Âu Văn Q.

Về con chung: Chị Mông Thị Bích Đ và anh Âu Văn Q có hai người con chung tên là Âu Trung K, sinh ngày 25/5/2008 và cháu Âu Gia B, sinh ngày 13/02/2013 hiện đang ở với anh Q. Khi ly hôn chị Mông Thị Bích Đ không có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung để con chung cho anh Âu Văn Q nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung và đây cũng là nguyện vọng của cháu Âu Trung K và Âu Gia B. Chị Mông Thị Bích Đ tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con chung một tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho cả hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung và cho vay: Không có.

Tại bản tự khai ngày 07/10/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2019 của bị đơn anh Âu Văn Q trình bày: Âu Văn Q thừa nhận anh và chị Đ có thời gian tìm hiểu nhau rồi tổ chức đám cưới, đến tháng 7 năm 2007 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống hạnh phúc nay vẫn còn tình cảm, chị Đ đi làm thuê bên Trung Quốc vẫn gửi tiền về cho anh nuôi con và thỉnh thoảng chị Đ về thăm con. Nay chị Mông Thị Bích Đ quyết xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Âu Văn Q và chị Mông Thị Bích Đ có hai người con chung tên là Âu Trung K, sinh ngày 25/5/2008 và cháu Âu Gia B, sinh ngày 13/02/2013 hiện đang ở với anh Q. Khi ly hôn anh Âu Văn Q yêu cầu chị Mông Thị Bích Đ nuôi dưỡng cháu Âu Trung K, sinh ngày 25/5/2008 còn anh Q nuôi dưỡng cháu Âu Gia B, sinh ngày 13/02/2013 không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng không có.

Về nợ chung: Không có.

Cho vay: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước Hội đồng xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, viết bản tự khai và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các bên đương sự đều có mặt.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, xét thấy vợ chồng chị Đ, anh Q lấy nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng

Sơn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn gia đình. Vợ chồng chị Đ và an Q xảy ra mâu thuẫn đã được Ủy ban nhân dân xã T giải quyết 02 lần vào các năm 2017 và 2018, nay chị Đ và anh Q đã sống ly thân lâu. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Mông Thị Bích Đ và anh Âu Văn Q có mâu thuẫn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mông Thị Bích Đ xin ly hôn với anh Âu Văn Q.

Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại các lời khai. Khi ly hôn chị Mông Thị Bích Đ sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Âu Trung K, còn anh Âu Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Âu Gia B; không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Mông Thị Bích Đ có đơn yêu cầu về việc ly hôn giữa chị và anh Âu Văn Q là đúng theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Đ thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Tòa án đã tiến hành đi xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh Âu Văn Q và chị Mông Thị Bích Đ về điều kiện kinh tế.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Mông Thị Bích Đ và anh Âu Văn Q lấy nhau có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp vào ngày 24/7/2007. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Q là hôn nhân hợp pháp, chị Đ có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Q là đúng theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mông Thị Bích Đ và anh Âu Văn Q lấy nhau kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cấp theo quy định tại các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và phù hợp với Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình: Do anh Q hay uống rượu và dọa dánh chị Đ nhiều lần, cụ thể năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn gia đình. Vợ chồng chị Đ và anh Q xảy ra mâu thuẫn đã được Ủy ban nhân dân xã T giải quyết 02 lần vào các năm 2017 và 2018, đến tháng 3 năm 2019 chị Đ đã viết đơn xin ly hôn đến Tòa án và được Tòa án hòa giải quay về đoàn tụ, nhưng cuộc sống không hòa hợp với nhau. Đến tháng 8/2019 chị Đoàn lại tiếp tục viết đơn xin ly hôn. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, chị Đ khẳng định hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy chị Đ trình bày nguyên nhân mâu thuẫn

gia đình là có căn cứ. Tại bản tự khai của anh Âu Văn Q ngày 07/10/2019, anh Q thừa nhận vợ chồng kết hôn với nhau từ năm 2007 sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, chị Đ đi làm thuê ở Trung Quốc vẫn gửi tiền về cho con ăn học, đến năm 2017 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nay chị Đ quyết ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn. Khi ly hôn thì chị Đ nuôi một cháu, anh Q nuôi một cháu, không bên nào phải đóng góp phí tổn nuôi con. Tại biên bản xác minh ngày 17/10/2019 ông Lương Văn S, trưởng thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho biết vợ chồng chị Đ và anh Q sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau đã được chính quyền thôn T và Công an xã triệu tập giải quyết 02 lần năm 2017 và 2018. Chị Đ đã bỏ đi Trung Quốc làm thuê được 02 năm nay, thỉnh thoảng có về thăm con và gửi tiền cho con ăn học. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét về tình cảm mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mông Thị Bích Đ xin ly hôn với anh Âu Văn Q là hoàn toàn tự nguyện. không chấp nhận việc anh Q đưa ra mỗi người nuôi một con chung vì nguyện vọng của hai con là ở với bố (căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2019). Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của cháu Âu Trung K và Âu Gia B.

[5] Về con chung: Chị Mông Thị Bích Đ hiện nay đi làm thuê bên Trung Quốc nên không có điều kiện đưa đón con đi học, khi ly hôn chị Đ giao 02 con là Âu Trung K và Âu Gia B để anh Âu Văn Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chị Đ tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con và đây là nguyện vọng của hai con khi bố mẹ mẹ ly hôn là các con có nguyện vọng ở với bố. Hội đồng xét xử thấy chị Đ đi làm thuê ở Trung Quốc bình quân một tháng được 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng nay chị Đ tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con một tháng 2.000.000 đồng cho hai con là hợp lý. Còn bản thân anh Q hiện nay canh tác hơn 04 sào ruộng, đã có nhà ở riêng tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn sẽ có điều kiện nuôi con hơn, ngoài ra chị Đ tự nguyện phụ giúp nuôi con là hợp lý. Xét thấy hiện nay chị Mông Thị Bích Đ đi làm thuê bên Trung Quốc thỉnh thoảng mới về Việt Nam, do đó không thể giao con chung cho chị Mông Thị Bích Đ chăm sóc, nuôi dưỡng được.

[6] Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Mông Thị Bích Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí trợ cấp nuôi con 300.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

[8]. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mông Thị Bích Đ, xử cho chị Mông Thị Bích Đ được ly hôn với anh Âu Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Âu Trung K sinh ngày 25/5/2008 và cháu Âu Gia B, sinh ngày 13/02/2013 cho anh Âu Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành (18 tuổi); chị Mông Thị Bích Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, cho Âu Trung K 1.000.000 (một triệu) đồng/ 01 tháng; cho Âu Gia B, sinh ngày 13/02/2013 là 1.000.000 (một triệu) đồng/ 01 tháng (cho đến các con đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2019.

Chị Mông Thị Bích Đ có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Mông Thị Bích Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí trợ cấp nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Đ đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2012/02186 ngày 03/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, nay chị Mông Thị Bích Đ phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (PKTNV&THA);
- VKSND H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Văn lãng, T. Lạng Sơn;
- UBND xã T, H. V, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bàn Văn Tiển